

Đơn vị: TTYT Hoài Nhơn
Mã QHNS: 1047707

Mẫu số: C02 - HD

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG
CÁC KHOẢN TRÍCH NỘP THEO LƯƠNG (190.000)
Tháng 8 năm 2026

ĐVT: đồng																					
STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp độc hại	% Phụ cấp TNVK	Phụ cấp TNVK	% PCƯĐ N	Phụ cấp Ưu đãi nghề	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Số tiền nghỉ ốm đau, thai sản			Tổng tiền các khoản phải trừ nghỉ ốm đau, TS	Nghỉ việc không được hưởng lương và các khoản PC	BHXH	BHYT	BHTN	Số thực lĩnh	Ghi chú
												Lương	PCCV	PCTNVK			Trừ vào lương (8%)	Trừ vào lương (1,5%)	Trừ vào lương (1%)		
A	B	C	1	2	6	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=(14+15+16)	18	20	22	24	26	D
1	Trần Quang Hải	V.08.01.02	5,76	0,4	0,2			60%	3,70	10,06	1.910.640	0			0	826	93.632	17.556	11.704	1.786.923	P 0,5 ngày
2	Nguyễn Thanh Hậu	V.08.04.10	3,00	0,3	0,2		0,00	60%	1,98	5,48	1.041.200	0			0	826	50.160	9.405	6.270	974.539	P 0,5 ngày
3	Trương Viết Nhân	V.08.01.03	3,00	0,3	0,2		0,00	60%	1,98	5,48	1.041.200	0			0	0	50.160	9.405	6.270	975.366	
4	Nguyễn Tam Hùng	V.08.03.07	4,06		0,2	16%	0,65	60%	2,83	7,74	1.469.718	0			0	1.652	71.586	13.422	8.948	1.374.111	P 1 ngày
5	Trần Văn Bé	V.08.03.07							0,00	0,00	0	0			0	0	0	0	0	0	Nghỉ hưu theo chế độ
6	Phạm Văn Khương	V.08.01.03	4,98				0,00	40%	1,99	6,97	1.324.680	0			0	0	75.696	14.193	9.462	1.225.329	
7	Nguyễn Thị Tuyết Lan	V.08.04.10	3,66				0,00	40%	1,46	5,12	973.560	0			0	0	55.632	10.431	6.954	900.543	
8	Võ Văn Minh	V.08.04.10	3,99		0,2		0,00	60%	2,39	6,58	1.250.960	0			0	0	60.648	11.372	7.581	1.171.359	
9	Lâm Thị Thiệt	V.08.05.13	3,96		0,2		0,00	60%	2,38	6,54	1.241.840	0			0	6.609	60.192	11.286	7.524	1.156.229	P 4 ngày
10	Nguyễn Thị Hương	V.05.02.08	3,65				0,00	0%	0,00	3,65	693.500	0			0	0	55.480	10.403	6.935	620.682	
11	Huỳnh Thị Bông	V.08.03.07	2,67		0,2		0,00	60%	1,60	4,47	849.680	0			0	826	40.584	7.610	5.073	795.587	P 0,5 ngày
12	Trần Thị Yến	V.08.02.06	3,33		0,4		0,00	70%	2,33	6,06	1.151.590	0			0	0	50.616	9.491	6.327	1.085.156	Luân phiên về TYT
13	Trương Thị Linh Huệ	V.08.06.16	3,00				0,00	40%	1,20	4,20	798.000	0			0	0	45.600	8.550	5.700	738.150	
14	Nguyễn Thị Bích Nga	V08.05.12	3,66				0,00	40%	1,46	5,12	973.560	0			0	0	55.632	10.431	6.954	900.543	
15	Cao Văn Cảnh	V08.05.13	3,03		0,2		0,00	60%	1,82	5,05	959.120	0			0	826	46.056	8.636	5.757	897.845	P 0,5 ngày
16	Hứa Thị Thạnh	V.08.02.06					0,00	70%	0,00	0,00	0	0			0	0	0	0	0	0	Nghỉ thai sản
17	Nguyễn Thị Út Linh	V.08.05.12	3,33				0,00	40%	1,33	4,66	885.780	0			0	0	50.616	9.491	6.327	819.346	
18	Trần Thị Ánh Tuyết	V08.05.12	2,67				0,00	40%	1,07	3,74	710.220	0			0	0	40.584	7.610	5.073	656.953	Tăng lương
19	Nguyễn Thị Hồng	V.08.05.12					0,00	40%	0,00	0,00	0	0			0	0	0	0	0	0	Ô 18 ngày
20	Nguyễn Văn Thi	V.08.04.10	2,67				0,00	40%	1,07	3,74	710.220	0			0	0	40.584	7.610	5.073	656.953	
21	Trần Thị Hồng Nữ	V.08.03.07	3,06				0,00	40%	1,22	4,28	813.960	0			0	0	46.512	8.721	5.814	752.913	Tăng lương
	Tổng cộng		63,480	1,0	2,0		0,650		31,8148	98,94	18.799.428	0	0	0	0	11.565	989.970	185.623	123.746	17.488.527	

Tổng số tiền bằng chữ : Mười bảy triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng chẵn.